BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 2 tháng 05

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 24 – 25/05/2023 ***Ngày cung cấp TT:*** 26/05/2023

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống đóng.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống mở.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cổ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập mở.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: *QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:*

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh:.

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2:.

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Sông Chanh, Cống Cổ Đam, Đầu kênh T3, Cống Nhâm Tràng, Cống Kinh Thanh, Cống Vĩnh Trị, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập Vùa, Đập La Chợ, (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Đầu kênh S48, Đầu kênh CG 16, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh C9.**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 92%, gió ĐN 22 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực	7.15	45.8	5.19	0.1	0.319	1.013	336	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh.								
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời mát, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 85%, gió Đông 30 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh.	7.08	17.5	5.49	0.1	0.466	1.598	373	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió ĐN 24 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.02	37.1	5.7	0.1	0.350	2.835	354	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 100%, gió ĐĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở đang tiêu nước ra	7.08	33.3	4.1	0.2	0.668	0.000	485	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	sông Đào. Nước màu xanh lục. Mực nước cao.								
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 96%, gió Đông 26 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	6.85	19.8	4.72	0.1	0.559	3.623	397	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 98%, gió ĐĐB 19 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.38	16.7	5.8	0.1	0.808	3.263	384	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 96%, gió Đông 26 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	6.82	12.8	4.97	0.1	0.567	2.385	367	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió ĐN 22 km/h. Dòng chảy chậm. Cống mở tiêu nước ra sông Đáy, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	6.95	17.2	5.32	0.2	0.482	1.958	429	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió ĐN 24 km/h. Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.34	27.2	4.3	0.2	0.831	3.060	491	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.									
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 98%, gió ĐN 24 km/h. Dòng chảy chậm ra ngã ba sông Chanh. Mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	6.82	59.4	5.1	1.4	**4.040**	15.075	2700	Giá trị amoni hiện trường cao hơn giới hạn B1 cho phép
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 95%, gió ĐN 22 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Vĩnh Trị, mực nước cao. Nước màu xanh lục.	6.82	21.8	5.5	0.1	0.458	1.598	402	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 73%, gió Đông 9 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Sắt sang sông Châu Giang, đập mở, mực nước cao. Nước màu xanh lục.	7.1	40.5	5.61	0.1	0.326	0.788	339	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời mát, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 85%, gió Đông 30 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, cống mở. Mực nước thấp. Nước màu xanh lục.	6.88	29.6	4.05	0.3	**1.142**	1.463	698	Giá trị amoni hiện trường cao hơn giới hạn B1 cho phép
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời mát, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 85%, gió Đông 30 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước trung bình. Nước màu vàng lục. Nước màu vàng đục.	7.08	43.7	5.19	0.1	0.443	2.295	386	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió ĐN 22 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng xanh.	6.43	13.9	4.7	0.2	**1.453**	4.635	582	Giá trị amoni hiện trường cao hơn giới hạn B1 cho phép
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 92%, gió Đông	6.97	20.7	4.79	0.2	0.816	2.003	401	Giá trị các chỉ

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
		thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	22 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.								tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 90%, gió Đông 29 km/h. Dòng chảy chậm về hướng An Bài, mực nước trung bình. Trên sông có bèo. Nước màu xanh lục.	7.15	88.4	4.5	0.1	0.614	3.060	343	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 95%, gió Đông 27 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục, có hiện tượng phú dưỡng.	7.01	13.5	5.01	0.2	**1.368**	1.935	402	Giá trị amoni hiện trường cao hơn giới hạn B1 cho phép
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh,	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 98%, gió ĐN 24 km/h. Dòng chảy rất chậm về	6.87	52.1	4.8	1	**3.660**	11.475	1950	Giá trị amoni hiện trường cao hơn giới hạn B1 cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				***6 – 8.5***		***6***		***0.3***	***2***		
QCVN 08:2015 A2				***6 – 8.5***		***5***		***0.3***	***5***		
QCVN 08:2015 B1				***5.5 – 9***		***4***		***0.9***	***10***		
QCVN 08:2015 B2				***5.5 – 9***		***2***		***0.9***	***15***		
	sông Chanh)	thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	ngã ba sông Chanh. Mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.								phép
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió ĐN 22 km/h. Dòng chảy chậm về ngã ba sông Tiên Hương vào. Mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	6.95	60	5.6	0.2	0.676	1.395	518	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI